

Bản án số: 38/2023/DS-PT
Ngày: 11/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trà.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải; Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 309/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2023/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kiều H – sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: KP. T, P.H, TX.H, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Võ Đức H – sinh năm: 1956 (có mặt)

Bà Võ Thị L – sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: KP. C, P.T, TX.H, tỉnh Bình Định.

- Người làm chứng: Chị Trần Thị Bích H1 – sinh năm: 1989 (có mặt)

Địa chỉ: KP.C, P.T, TX.H, tỉnh Bình Định.

- Người kháng cáo: Bà Võ Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Kiều H trình bày: Vào ngày 11/3/2021 âm lịch (tức ngày 22/4/2021 dương lịch), vợ chồng bà Võ Thị L, ông Võ Đức H có vay của bà hai khoản tiền, khoản thứ nhất vay 1.600.000.000 đồng mục đích để đáo hạn ngân hàng, khoản thứ hai vay 1.600.000.000 đồng để mua đất, thời hạn 05 ngày, lãi suất 2%/tháng. Lúc vay, bà

L viết giấy, ông H có ký vào giấy vay tiền. Đến ngày 13/3/2021 âm lịch tức ngày 24/4/2021 dương lịch bà L đến nhà bà nói đã trả 1.600.000.000 đồng cho khoản vay đáo hạn ngân hàng và yêu cầu bà giao giấy gốc. Lúc đó, bà L trả tiếp cho bà 100.000.000 đồng cho khoản nợ mua đất nên bà H có đưa giấy cho bà L ghi vào mặt sau, còn nợ lại 1.500.000.000 đồng. Thời gian sau, bà hỏi nợ nhiều lần nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay bà kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà L, ông H trả cho bà số tiền 1.500.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày 13/3/2021 âm lịch cho đến ngày xét xử hôm nay gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn với mức lãi suất 20%/năm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn bà Võ Thị L trình bày: Trong năm 2019 bà Nguyễn Thị T nhờ bà vay giùm tiền nên bà có vay của bà Võ Thị Kiều H số tiền 1.200.000.000 đồng. Do bà H cho vay lãi cao, bà có trả nợ nhiều lần nhưng vẫn không trả hết nợ, đến ngày 11/3/2021 âm lịch bà H có chốt lại số nợ và buộc vợ chồng bà ký vào giấy vay tiền số nợ 1.600.000.000 đồng và nợ riêng tiền lãi 200.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 15/3/2021 âm lịch phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi. Đến sáng ngày 13/3/2021 âm lịch bà có đến nhà bà H trả trước số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại 1.500.000.000 đồng. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày Ngân hàng có giải ngân cho bà 1.600.000.000 đồng nên bà đã chèn số tiền 1.600.000.000 đồng vào tài khoản con dâu bà là Trần Thị Bích H1. Bà Trần Thị Bích H1 đã chèn trả cho bà Võ Thị Kiều H số tiền 1.600.000.000 đồng. Tổng số tiền bà trả trong ngày 24/4/2021 cho bà Võ Thị Kiều H là 1.700.000.000 đồng trong đó tiền gốc 1.600.000.000 đồng, tiền lãi 100.000.000 đồng. Sau đó, bà có trả tiền lãi cho bà H ba lần tổng cộng 109.000.000, đồng là hết nợ. Nay bà xác định không còn nợ tiền của bà H nên không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kiều H.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn ông Võ Đức H trình bày: Việc vay tiền giữa vợ ông là Võ Thị L và bà Võ Thị Kiều H như thế nào ông không biết cụ thể, ông xác nhận có hai lần ký giấy vay tiền của bà H, một lần 1.200.000.000 đồng ngày 19/4/2019 và một lần 1.600.000.000 đồng ngày 11/3/2021 âm lịch, còn việc nhận tiền là do bà L nhận. Sau đó, bà L có nói với ông đã trả hết nợ cho bà H. Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 1.500.000.000 đồng ông không chấp nhận.

Người làm chứng Trần Thị Bích H1 trình bày: Chị là con dâu bà Võ Thị L, việc vay mượn tiền giữa mẹ chị (bà L) và bà Võ Thị Kiều H như thế nào chị không biết. Trong ngày 24/4/2021 bà Võ Thị L có chuyển vào tài khoản của chị số tiền 1.600.000.000 đồng để chị chuyển vào tài khoản của bà Võ Thị Kiều H 1.600.000.000 đồng, nói là trả tiền gốc và lãi do bà L mượn của bà Kiều H, còn số tiền này mượn khi nào thì chị không biết. Chị xác nhận chỉ chuyển khoản cho bà Kiều H một lần vào ngày 24/4/2021, ngoài ra không chuyển khoản lần nào khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 309/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều H. Buộc bị đơn vợ chồng bà Võ Thị L, ông Võ Đức H phải liên đới trả cho bà Võ Thị Kiều H số tiền 1.872.501.500 đồng (Trong đó, tiền gốc 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 372.501.500 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ bồi thường, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 23/9/2022, bà Võ Thị L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xong, bị đơn bà Võ Thị L không đồng ý nên làm đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự số 309/2022/DSST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. *Về tố tụng*: Kháng cáo của bà Võ Thị L là trong hạn, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Nguyên đơn bà Võ Thị Kiều H cung cấp giấy mượn tiền: Ngày 11/3/2021 (AL) nguyên đơn bà H, cho bị đơn vợ chồng bà Võ Thị L và ông Võ Đức H mượn số tiền 1.600.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 02%; mục đích mượn tiền để mua đất; thời hạn trả lãi và gốc vào ngày 15/3/2021 (AL), mặt sau giấy mượn tiền có ghi: Mượn ngày 13/3/2021 (AL) trả 100.000.000 đồng nợ lại 1.500.000.000 đồng. Bà H đòi nợ nhiều lần nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L trả số tiền còn nợ và tiền lãi.

[3]. Bị đơn bà Võ Thị L và ông Võ Đức H thừa nhận giấy mượn tiền ngày 11/3/2021 (ÂL) với số tiền 1.600.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng do nguyên đơn bà Võ Thị Kiều H cung cấp là chữ viết của bà L, bà và ông H cùng ký tên, người mượn tiền. Mặt sau giấy mượn tiền có ghi: Ngày 13/3/2021 (ÂL) trả 100.000.000 đồng, nợ lại 1.500.000.000 đồng là do bà L viết và ký tên. Nhưng bà L cho rằng: Khoản tiền vợ chồng bà mượn mà nguyên đơn khởi kiện, bà L đã trả nợ xong. Vì ngày 13/3/25021 (ÂL) tức là ngày 24/4/2021 (DL) bà trực tiếp trả cho bà H 100.000.000 đồng; sau đó, bà có nhờ con dâu là chị Trần Thị Bích H1 chuyển khoản trả cho bà Kiều H số tiền 1.600.000.000 đồng. Như vậy, bà đã trả cho bà Võ Thị Kiều H số tiền 1.600.000.000 đồng tiền vay gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi. Lời trình bày của bà L nêu trên, không đúng thực tế giấy mượn tiền, vì tiền lãi khoản tiền vay 1.600.000.000 đồng từ ngày 11/3/2021 đến 13/3/2021: $(1.600.000.000 \times 2\% \times 3 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 3.200.000 \text{ đồng}$. Mặt khác, số tiền 1.600.000.000 đồng bà Trần Thị Bích H1 chuyển trả cho bà Võ Thị Kiều H không ghi nội dung trả nợ khoản nào, nên không có căn cứ chứng minh bà L đã trả nợ khoản vay 1.500.000.000 đồng cho bà Kiều H. Bà L trả nợ 100.000.000 đồng yêu cầu bà H đưa giấy nợ, bà tự ghi vào mặt sau số tiền còn nợ lại, nếu bà L trả nợ 1.500.000.000 đồng lại không yêu cầu bà Kiều H đưa giấy nợ (lấy lại giấy nợ) hoặc ghi lại số tiền nợ đã trả là không có căn cứ chấp nhận. Số tiền 1.600.000.000 đồng bà L nhờ con dâu Trần Thị Bích H1 vào ngày 13/3/2021 (AL) tức là ngày 24/4/2021 (DL) là khoản nợ khác, phù hợp với lời khai của nguyên đơn: “Ngày 11/3/2021 âm lịch (tức là ngày 22/4/2021) vợ chồng bà Võ Thị L, ông Võ Đức H vay của bà hai khoản tiền, khoản thứ nhất vay 1.600.000.000 đồng đáo

hạn ngân hàng, khoản thứ hai vay 1.600.000.000 để mua đất”.

[3.1]. Theo giấy mượn tiền ngày 26/6/2021 (BL.135) bà L mượn tiền của ông G, do bà L cung cấp và bà thừa nhận chữ viết và chữ ký là của bà, có nội dung: Số tiền mượn 20.000.000 đồng, tài sản thế chấp là một sổ hồng đất hồ tôm nuôi trồng thủy sản để trả lãi cho bà Võ Thị Kiều H trong khoản tiền vay 1.500.000.000 đồng. Trong 15 ngày trả lãi một lần là 54.000.000 đồng là chứng cứ, chứng minh vợ chồng bà L chưa trả khoản nợ 1.500.000.000 đồng cho bà Võ Thị Kiều H.

[3.2]. Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2022 của Công an thị xã H (BL.43) bà Võ Thị L khai: Đến ngày 13/3/2021 (AL) tôi trả cho bà H số nợ gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nên tôi còn nợ bà H số tiền 1.500.000.000 đồng. Với những chứng cứ và lời khai của bà Võ Thị L nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Vợ chồng bà L, ông H còn nợ bà Võ Thị Kiều H số tiền vay 1.500.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng bà Võ Thị L và Võ Đức H phải liên đới trả cho bà Võ Thị Kiều H số tiền 1.872.501.500 đồng (trong đó, tiền gốc 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 372.501.500 đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Võ Thị L không đưa ra một chứng cứ gì mới, chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị L không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm, chưa lấy lời khai của ông G và bà T để có căn cứ xác định vợ chồng bà L vay của bà H 02 khoản đáo hạn ngân hàng và mua đất, cũng như sau khi bà L trả hết nợ cho bà H nhưng vẫn còn vay của ông G để trả lãi cho bà H là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử vì ông G và bà T không liên quan đến khoản vay nợ đang tranh chấp, riêng khoản vay tiền ông G bà L trực tiếp viết giấy nợ và nêu rõ nội dung mượn tiền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 288, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 309/2022/DSST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều H. Buộc bị đơn vợ chồng bà Võ Thị L, ông Võ Đức H phải liên đới trả cho bà Võ Thị Kiều H số tiền 1.872.501.500 đồng (trong đó, tiền gốc 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 372.501.500 đồng).

3. Về án phí:

3.1. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Võ Đức H được miễn; Bà Võ Thị L phải chịu 34.087.522 đồng.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Kiều H tiền tạm ứng án phí đã nộp 28.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001663 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

3.2. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000110 ngày 30/9/2022 bà L nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Trà